

## BẢNG MẪU HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

STT	ĐẶC ĐIỂM	HĐTL TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ
1	Tên hợp đồng	Hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ 5 năm
2	Mã hợp đồng	Theo quy ước xác định mã giao dịch của HNX
3	Tài sản cơ sở	Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 100.000 đồng, lãi suất danh nghĩa 5.0%/ năm, trả lãi định kỳ cuối kỳ 12 tháng/ lần, trả gốc một lần khi đáo hạn
4	Quy mô hợp đồng	1 tỷ đồng
5	Hệ số nhân hợp đồng	10.000
6	Tháng đáo hạn	3 tháng cuối 3 quý gần nhất Ví dụ: tháng hiện tại là tháng 4. Các tháng đáo hạn là tháng 6, tháng 9, và tháng 12
7	Phương thức giao dịch	Phương thức khớp lệnh và phương thức thỏa thuận
8	Thời gian giao dịch	Mở cửa trước thị trường cơ sở 15 phút Đóng cửa cùng thị trường cơ sở
9	Biên độ dao động giá	+/- 3% so với giá tham chiếu
10	Bước giá/Đơn vị yết giá	1 đồng
11	Đơn vị giao dịch	01 hợp đồng
12	Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày 15 của tháng đáo hạn hoặc ngày giao dịch liền trước nếu ngày 15 là ngày nghỉ
13	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc thứ ba kể từ ngày giao dịch cuối cùng
14	Phương thức thanh toán	Chuyển giao vật chất
15	Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày	Theo quy định của TTLKCKVN (VSD)
16	Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Giá thanh toán cuối ngày tại ngày giao dịch cuối cùng
17	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (trong ngày giao dịch đầu tiên)
18	Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng	TPCP do KBNN phát hành, có kỳ hạn còn lại từ 3 năm đến 7 năm tính đến ngày phát hành cuối cùng, có giá trị niêm yết tối thiểu 2.000 tỷ đồng. Hệ số chuyển đổi được tính theo lãi suất danh nghĩa 5.0%/ năm
19	Ngày niêm yết	Khi ra mắt hợp đồng
20	Giới hạn lệnh	500 hợp đồng/lệnh
21	Giới hạn vị thế	Theo quy định của TTLKCKVN (VSD)
22	Mức ký quỹ	Theo quy định của TTLKCKVN (VSD)